

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 18 - 3 - 2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Phới

Ông Thạch Ân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Hiền, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2024/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:**

Bà Dương Thị H, sinh năm 1975 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- **Bị đơn:**

Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn bà Dương Thị H thể hiện như sau: Bà với ông Nguyễn Văn V chung sống với nhau vào năm 1995 có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Trường G, sinh ngày 04/9/1997 và Nguyễn Thị Tuyết N, sinh

ngày 27/02/2002 đã trưởng thành và tự nuôi sống bản thân. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc xin ly hôn là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau hay cự cãi chuyện gia đình, ông Nguyễn Văn V không lo làm ăn, bà có khuyên nhiều lần nhưng anh Nguyễn Văn V không thay đổi, vợ chồng không còn quan tâm tin tưởng nhau nên chung sống không còn hạnh phúc. Bà và ông V đã không còn chung sống với nhau từ năm 2011 cho đến nay. Từ khi không còn chung sống với nhau đến nay cũng không có liên lạc với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

Về nuôi con chung: Con chung tên Nguyễn Trường G, sinh ngày 04/9/1997 và Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 27/02/2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn V là bị đơn vắng mặt: Ông V không có ý kiến trả lời bằng văn bản. Mặc dù, ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Bà H và ông V chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, bà H và ông V bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cự cãi, hôn nhân không thể hàn gắn. Việc này Tòa án đã xác minh nguyên nhân mâu thuẫn đối với người thân của bà H và ông V cũng xác nhận cả hai sống không hạnh phúc. Nay bà H kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông V, còn ông V mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông V vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp lời khai hay chứng cứ gì cho Tòa án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H; cho bà H được ly hôn với ông V là phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: Bà H và ông V có hai con chung tên Nguyễn Trường G, sinh ngày 04/9/1997 và Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 27/02/2002 đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc bà H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Dương Thị H; lời trình bày của đương sự cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “Ly hôn” theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn trong vụ án là ông Nguyễn Văn V có hộ khẩu thường trú tại huyện C, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà H là nguyên đơn, có đơn xin xét xử vắng mặt; ông V là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Bà H và ông V chung sống với nhau năm 1995 và có đăng ký kết hôn phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của ông bà được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết Tòa án xác minh đối với người thân hai bên gia đình bà H và ông V được biết: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có mâu thuẫn cự cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, không còn quan tâm nhau, hiện mạnh ai người ấy sống nên hôn nhân không có hạnh phúc. Mặc dù, gia đình hai bên có khuyên bảo vợ chồng nên nhẫn nhịn để hàn gắn lại với nhau nhưng không có kết quả. Đồng thời, Tòa án đã nhiều lần thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông V đến Tòa để hòa giải, động viên bà H và ông V khắc phục mâu thuẫn và cùng đoàn tụ lại với nhau nhưng ông V vẫn vắng mặt tại buổi hòa giải, xét xử và cũng không có ý kiến thể hiện bằng văn bản; điều này cho thấy ông V không quan tâm đến cuộc hôn nhân của mình và cũng không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, kéo dài cuộc hôn nhân cũng không có ý nghĩa. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về con chung: Bà H và ông V có hai con chung tên Nguyễn Trường G, sinh ngày 04/9/1997 và Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 27/02/2002. Xét thấy, con bà H và ông V đều đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Bà H khai không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Xét quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nghị quyết số 01/2024/NQ- HĐTP ngày 16 tháng 01 năm 2024 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H.

Về hôn nhân: Cho bà Dương Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

Về con chung: Các con chung tên Nguyễn Trường G, sinh ngày 04/9/1997 và Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 27/02/2002 đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Dương Thị H không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà Dương Thị H khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Dương Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008668 ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Bà Dương Thị H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Ai

